

L U Ậ T

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT VỀ SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981.

Điều 1.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

1- Khoản 2 Điều 7 về hệ thống quân hàm sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Cấp tá có 4 bậc:

Đại tá;

Thượng tá;

Trung tá;

Thiếu tá."

2- Điều 9 về thời hạn xét thăng quân hàm, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 9.

Thời hạn xét thăng quân hàm được quy định như sau:

Thiếu úy lên trung úy: 2 năm;

Trung úy lên thượng úy: 3 năm;

Thượng úy lên đại úy: 3 năm;

Đại úy lên thiếu tá: 4 năm;

Thiếu tá lên trung tá: 4 năm;

Trung tá lên thượng tá: 4 năm;

Thượng tá lên đại tá: 4 năm.

Việc xét thăng quân hàm cấp t-ớng không quy định thời hạn.

Thời gian học tập tại trường được tính vào thời hạn để xét thăng quân hàm.

Trong thời chiến, thời hạn xét thăng quân hàm có thể được rút ngắn theo quy định của Hội đồng bộ trưởng."

3- Đoạn 2 Điều 12 về hệ thống chức vụ trong quân đội, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Mỗi chức vụ được bố trí nhiều nhất ba bậc quân hàm kế tiếp. Trong trường hợp sĩ quan có bậc quân hàm cao nhất của chức vụ đang đảm nhiệm, đủ tiêu chuẩn và đã đến thời hạn xét thăng quân hàm, nhưng không có nhu cầu bổ nhiệm chức vụ cao hơn,

thì không thăng quân hàm mà đ- ợc xét nâng mức l- ơng theo quy định về chế độ tiền l- ơng của sĩ quan."

4- Điều 32 về hạn tuổi phục vụ của sĩ quan, đ- ợc sửa đổi, bổ sung nh- sau:

"Điều 32.

Hạn tuổi phục vụ của sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị đ- ợc quy định nh- sau:

Cấp bậc ³ tại ngũ	Tuổi ³ hạng một ³	Tuổi dự bị ³ hạng hai	Tuổi dự bị ^{3 3 3}
Cấp úy ³	38 ³	43 ³	48 ^{3 3}
Thiếu tá ³	43 ³	48 ³	52 ^{3 3}
Trung tá ³	48 ³	52 ³	55 ^{3 3}
Th- ượng tá ³	52 ³	55 ³	58 ^{3 3}
Đại tá ³	55 ³	58 ³	60 ^{3 3}
Thiếu t- ướng và chuẩn ^{3 3 3 3 3}			
đô đốc hải quân ³	60 ³	63 ³	65 ³

Đối với sĩ quan có bậc quân hàm từ trung t- ướng và phó đô đốc hải quân trở lên thì không quy định hạn tuổi phục vụ; trong tr- ờng hợp vì điều kiện sức khỏe hoặc do năng lực mà không đảm đ- ơng đ- ợc nhiệm vụ, thì thực hiện chế độ nghỉ h- u."

5- Điều 33 về việc kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan, đ- ợc sửa đổi, bổ sung nh- sau:

"Điều 33.

Căn cứ vào nhu cầu của Quân đội và phẩm chất, năng lực, sức khỏe của từng sĩ quan, hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan có thể kéo dài đến hết hạn tuổi dự bị hạng một; đối với sĩ quan làm công tác nghiên cứu khoa học và giáo viên các tr- ờng trong quân đội, thì có thể kéo dài đến hết hạn tuổi dự bị hạng hai; trong tr- ờng hợp đặc biệt thì có thể kéo dài trên hạn tuổi dự bị hạng hai.

Ng- ời có thẩm quyền thăng quân hàm đối với sĩ quan ở cấp bậc nào, thì có quyền kéo dài hạn tuổi phục vụ tại ngũ đối với sĩ quan ở cấp bậc đó."

6- Điều 39 về chế độ tiền l- ơng và phụ cấp của sĩ quan, đ- ợc sửa đổi, bổ sung nh- sau:

"Điều 39.

Sĩ quan tại ngũ đ- ợc h- ởng chế độ tiền l- ơng và phụ cấp do Hội đồng bộ tr- ờng quy định.

Bảng l- ơng của sĩ quan căn cứ vào cấp bậc quân hàm và chức vụ đ- ợc quy định phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội.

Phụ cấp thâm niên đ- ợc tính theo thời gian sĩ quan phục vụ tại ngũ; sĩ quan làm nhiệm vụ có tính chất đặc thù còn đ- ợc h- ởng các khoản phụ cấp khác."

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990.